

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 102./2019/ST-HNGĐ

Ngày 29 tháng 7 năm 2019

“ V/v Yêu cầu ly hôn ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Doãn Quỳnh; ông Nguyễn Đăng Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên

Ngày 29/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST – HNGĐ ngày 23/4/2019 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn S – Sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Cao Thị Ty – Sinh năm: 1986

Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt không có lý do

3. Người làm chứng: Bà Lê Thị H – Sinh năm: 1963

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2019 và biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là anh Trần Văn S trình bày:

Anh Trần Văn S kết hôn với chị Cao Thị T vào ngày 03/7/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện và được gia đình 2 bên đồng ý. Sau khi kết hôn anh S và chị T về sinh sống, làm ăn ở thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống chung vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng đi làm ăn xa, ít khi gặp nhau nên không hiểu nhau dẫn tới bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy, thường xuyên phát sinh tranh

cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình 2 bên nội ngoại có khuyên bảo song không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa anh S và chị T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh S đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn chị T vì vợ chồng sống ly thân từ lâu và bản thân giữa anh S và chị T không còn tình cảm với nhau nữa.

Về con chung: Anh S và chị T có 02 con chung là Trần Thị C – Sinh ngày 05/8/2007 và Trần Văn H – Sinh ngày 01/01/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay 2 con ở với anh S. Nay ly hôn anh S có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 2 con, không yêu cầu chị Thủy phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là bà Lê Thị H vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị H trình bày:

Chị Cao Thị T là con gái của bà H, còn anh S là con rể. Chị T và anh S kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An, hôn nhân tự nguyện và được gia đình hai bên thống nhất. Sau khi kết hôn T và S về chung sống tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng đi làm ăn xa nên không tin tưởng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình bà H có khuyên bảo vợ chồng S nhưng không có kết quả.. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, nên đến đầu năm 2017 chị T và anh S đã ly thân nhau. Trong quá trình sống ly thân thì anh S ở tại nhà mình ở thôn 4, xã C, huyện A, còn T về sống với gia đình tôi ở thôn 6, xã T, huyện A một thời gian thì đi vào Bình Dương làm ăn, sinh sống. Trước khi đi T chỉ nói đi làm ăn ở Bình Dương chứ không nói địa chỉ cụ thể, từ khi đi cho đến nay chị T thỉnh thoảng mới về thăm gia đình, mẹ con chủ yếu liên lạc trao đổi qua điện thoại. Quá trình nói chuyện qua điện thoại bà H có hỏi T làm gì, ở đâu nhưng chị T chỉ nói làm lao động tự do nay đây mai đó, không có nơi ở cố định. Việc anh S làm đơn xin ly hôn thì chị T có biết bởi khi nhận được các giấy tờ liên quan của Tòa án thì bà H gọi điện báo cho T biết, khi biết sự việc anh S làm đơn xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý ly hôn. Nhưng do đi làm ăn xa và mới vào làm việc nên không xin nghỉ để về giải quyết được. Nên đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị T.

Về con chung trong quá trình chung sống anh S và chị T có là Trần Thị C – Sinh ngày 05/8/2007 và Trần Văn H – Sinh ngày 01/01/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay 02 con sống với anh S.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung gì và không nợ ai.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Anh Sơn phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử, bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX cho anh Trần Văn S và chị Cao Thị T được ly hôn.

Về con chung: Giao 2 con chung là Trần Thị C – Sinh ngày 05/8/2007 và Trần Văn H – Sinh ngày 01/01/2014 cho anh Trần Văn S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Cao Thị T.

Về tài sản chung và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án chị Cao Thị T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị H là mẹ đẻ của chị Cao Thị T nhận và bà H đã báo lại cho chị T được biết nhưng chị T vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An để giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng chị Cao Thị T vẫn cố tình vắng mặt. Đối với anh Trần Văn S trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa hôm nay anh S đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Cao Thị T và anh Trần Văn S theo quy định tại điểm a, b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

(2) *Về nội dung vụ án:*

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn S và chị Cao Thị T kết hôn với nhau vào ngày 03/7/2006 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn thì anh Trần Văn S và chị Cao Thị T về sinh sống ở thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng đi làm ăn xa, ít khi gặp nhau nên không hiểu nhau dẫn tới bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy, thường xuyên phát sinh tranh cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình 2 bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân giữa anh S và chị T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Thời gian đầu sống ly thân chị T về sinh sống với bố mẹ đẻ ở thôn 6, xã T, huyện A một thời gian, sau đó đi làm ăn ở Bình Dương cho đến nay, trong thời gian đi làm ăn ở Bình Dương chị T thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Việc đi làm ăn ở Bình Dương trước khi đi chị T chỉ nói với bà H còn không bàn bạc hay báo tin cho anh S được biết nên hiện tại anh S không biết chị T làm gì hay sống ở đâu. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H khai anh S rằng chị T đi làm ăn ở Bình Dương từ năm 2017 từ khi đi cho đến nay hai mẹ con chỉ liên lạc qua điện thoại, nhưng chị T không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của mình. Việc chị T không về để giải quyết vụ án theo giấy báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc của mình là nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án sẽ xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa anh S và chị T đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó hôn nhân giữa anh S và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn S là phù hợp với khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị T cũng mong muốn được ly hôn với anh S.

* *Về con chung*: Anh S và chị T có 2 con chung là Trần Thị C – Sinh ngày 05/8/2007 và Trần Văn H – Sinh ngày 01/01/2014. Hiện nay con đang ở với anh S nên cần tiếp tục giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh S.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn S không yêu cầu chị Cao Thị T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Cao Thị T.

* *Về tài sản chung*: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

* *Về án phí:* Anh Trần Văn S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tuyên xử:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Trần Văn S được ly hôn với chị Cao Thị T.

* *Về con chung:* Giao 2 con chung là Trần Thị C – Sinh ngày 05/8/2007 và Trần Văn H – Sinh ngày 01/01/2014 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Cao Thị T.

(Sau khi ly hôn, chị Cao Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở).

* *Về án phí:*

Anh Trần Văn S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0001816 ngày 23/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng